

だい8か ざいりょう・どうぐ

第8課 材料・道具

Vật liệu - Dụng cụ

■ 目標 ■

聞いたことを復唱して、間違いがないか確認できる。

Có thể lặp lại điều đã nghe và xác nhận không có nhầm lẫn.

指示内容にわからないことがあるとき、質問できる。

Có thể đặt câu hỏi khi có điều không hiểu trong nội dung chỉ thị.

指導員に注意され、行動を改めることができる。

Có thể sửa lại hành động khi được người hướng dẫn nhắc nhở.

材料・道具

Vật liệu - Dụng cụ

■^{かいわ}会話I■

リンさんは作業場にいます。

鈴木 そこから ぼりぶろびれんを もって きて。
倉庫から ポリプロピレンを 持って 来て。

リン ぼり…?
ポリ…?

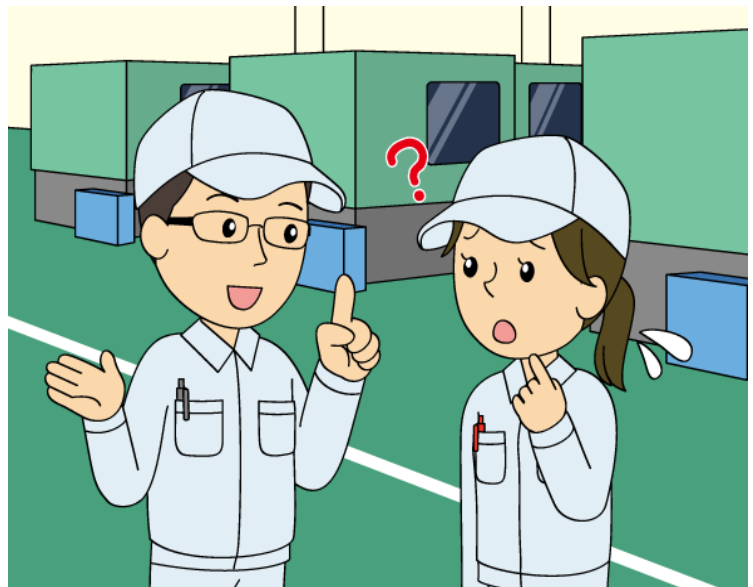
鈴木 ぼりぶろびれん、ぴーぴー。
ポリプロピレン、PP。

リン ぼりぶろびれん、ぴーぴーですね。
ポリプロピレン、PPですね。

鈴木 うん。きのうのと おなじだよ。
うん。きのうのと 同じだよ。

リン きのうのと おなじですね。
きのうのと 同じですね。

わかりました。
わかりました。



材料・道具

Vật liệu - Dụng cụ

■ かいわ 会話 I ■

Chị Lin đang ở khu vực làm việc.

Suzuki Đem Polypropylen trong kho lại đây.

Lin ポリ...?

Suzuki Là Polypropylen, PP.

Lin Polypropylen, PP ạ.

Suzuki Ừm, giống với cái hòm qua đây.

Lin Giống với cái hòm qua ạ.

Tôi hiểu rồi.

材料・道具

Vật liệu - Dụng cụ

■^{かいわ}会話2■

リンさんは倉庫にいます。

鈴木 この ざいりょうを だいしゃに のせて。
この 材料を 台車に 載せて。

にかいの さとうさんの ところに はこんで。
2階の 佐藤さんの ところに 運んで。

リン すみません。どこに はこびますか。
すみません。どこに 運びますか。

鈴木 にかいの さとうさんの ところだよ。
2階の 佐藤さんの ところだよ。

リン にかい、さとうさんですね。
2階、佐藤さんですね。

鈴木 うん。
うん。



材料・道具

Vật liệu - Dụng cụ

■^{かいわ}会話2■

Chị Lin đang ở trong kho.

Suzuki Chất vật liệu này lên xe đây.

Mang đến chỗ chị Sato ở tầng 2.

Lin Xin lỗi, mang đi đâu ạ?

Suzuki Chỗ chị Sato ở tầng 2 đấy.

Lin Tầng 2, chị Sato ạ.

Suzuki Ừm.

材料・道具

Vật liệu - Dụng cụ

■^{かわ}会話3■

リンさんは今日の作業を終えました。

リン おつかれさまでした。
お疲れ様でした。

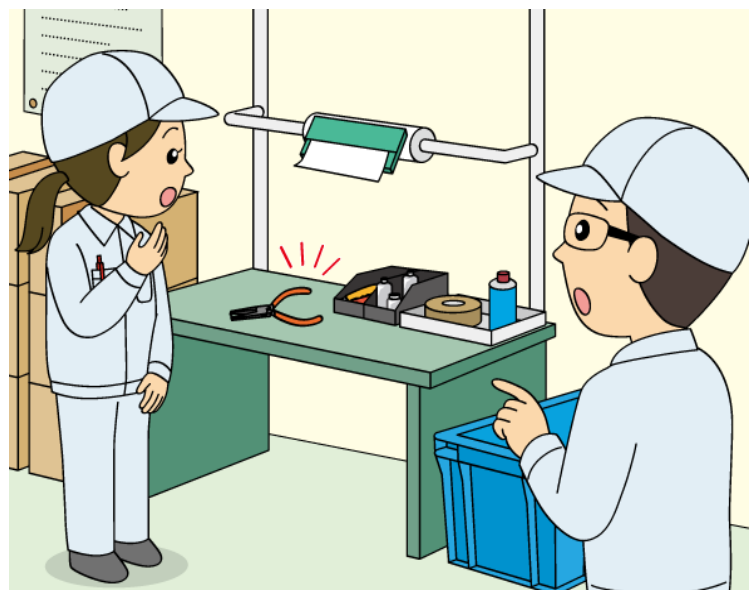
鈴木 ちょっと まって。
ちょっと 待って。

さぎょうだいに ニッパが おきっぱなしだよ。
作業台に ニッパが 置きっぱなしだよ。

リン すみません。かたづけます。
すみません。片づけます。

鈴木 さぎょうだいの うえは いつも きれいに してね。
作業台の 上は いつも きれいに してね。

リン はい。
はい。



材料・道具

Vật liệu - Dụng cụ

■^{かいわ}会話3■

Chị Lin đã làm xong công việc của ngày hôm nay.

Lin Anh vất vả rồi ạ.

Suzuki Chờ chút.

Kìm cắt còn để nguyên trên bàn làm việc kia.

Lin Tôi xin lỗi. Tôi sẽ dọn ạ.

Suzuki Lúc nào cũng phải làm sạch bàn làm việc nhé.

Lin Vâng.

材料・道具

Vật liệu - Dụng cụ

■ことば■

| | ことば | 読み |
|----|--------------|--------------|
| 1 | 倉庫 | そうこ |
| 2 | ポリプロピレン (PP) | ぽりぷろぴれん (PP) |
| 3 | 持って来る | もってくる |
| 4 | 同じ | おなじ |
| 5 | 材料 | ざいりょう |
| 6 | 台車 | だいしゃ |
| 7 | 載せる | のせる |
| 8 | 運ぶ | はこぶ |
| 9 | 作業台 | さぎょうだい |
| 10 | ニッパ | にっぱ |
| 11 | 置きっぱなし | おきっぱなし |
| 12 | 片づける | かたづける |
| 13 | 掃除 (する) | そうじ (する) |
| 14 | 捨てる | すてる |
| 15 | 温度 | おんど |
| 16 | フォークリフト | ふおーくりふと |
| 17 | パレット | ぱれっと |
| 18 | 作業中 | さぎょうちゅう |
| 19 | | |
| 20 | | |
| 21 | | |
| 22 | | |
| 23 | | |
| 24 | | |
| 25 | | |
| 26 | | |
| 27 | | |
| 28 | | |
| 29 | | |
| 30 | | |

材料・道具

Vật liệu - Dụng cụ

■ ことば ■

| | 意味 ^{いみ} |
|----|--------------------|
| 1 | Kho, nhà kho |
| 2 | Polypropylen (PP) |
| 3 | Mang đèn, đèn đèn |
| 4 | Giống |
| 5 | Vật liệu |
| 6 | Xe đẩy |
| 7 | Chất lên |
| 8 | Mang, vác, khiêng |
| 9 | Bàn làm việc |
| 10 | Kìm cắt |
| 11 | Đề nguyên |
| 12 | Dọn dẹp |
| 13 | (động từ) Quét dọn |
| 14 | Vứt, bỏ |
| 15 | Nhiệt độ |
| 16 | Xe nâng |
| 17 | Tấm pallet |
| 18 | Trong lúc làm việc |
| 19 | |
| 20 | |
| 21 | |
| 22 | |
| 23 | |
| 24 | |
| 25 | |
| 26 | |
| 27 | |
| 28 | |
| 29 | |
| 30 | |

材料・道具

Vật liệu - Dụng cụ

■ 応用練習 ■

④⑤にあなたが使う文を書きましょう。

指導員にチェックしてもらいましょう。

★ 疑問詞（ぎもんし）

すみません。どこに はこびますか。

すみません。どこに 運びますか。

すみません。これは どこに おきますか。

① すみません。これは どこに 置きますか。

すみません。いつ そうじしますか。

② すみません。いつ 掃除しますか。

すみません。なにを すてますか。

③ すみません。何を 捨てますか。

④

⑤

★ ～く/～に します

さぎょうだいの うえは いつも きれいに してね。

作業台の上は いつも きれいに してね。

おんどを たかく しても いいですか。

① 温度を 高く しても いいですか。

ふおーくりふとの ぱれっとを ひくく して ください。

② フォークリフトの パレットを 低く して ください。

さぎょうちゅうは しずかに して ください。

③ 作業中は 静かに して ください。

④

⑤

材料・道具

Vật liệu - Dụng cụ

■ おうようれんしゅう
応用練習 ■

Hãy viết câu mà bạn dùng vào (4)(5).

Hãy nhờ người hướng dẫn kiểm tra.

★ 疑問詞 (ぎもんし)

Xin lỗi, mang đi đâu ạ?

- ① Xin lỗi. Cái này để đâu ạ?
- ② Xin lỗi. Khi nào quét dọn ạ?
- ③ Xin lỗi. Vứt cái gì ạ?
- ④
- ⑤

★ ～く/～に します

Lúc nào cũng phải làm sạch bàn làm việc nhé.

- ① Tôi tăng nhiệt độ được không ạ?
- ② Hãy hạ tấm pallet của xe nâng.
- ③ Hãy giữ yên lặng trong khi làm việc.
- ④
- ⑤

わたしの かいわ

モデル^{かいわ}会話を^{さんこう}参考にして、^{かいわ}会話を^か書きましょう。

^{しどういん}指導員にチェックしてもらいましょう。

Hãy tham khảo đoạn hội thoại mẫu và viết hội thoại.

Hãy nhờ người hướng dẫn kiểm tra.